

Số: 05/2026-TDBECO  
No.: 05/2026-TDBECO

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2026  
Can Tho, March 28, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
REGULAR DISCLOSURE OF INFORMATION ON FINANCIAL REPORTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

*To: Hanoi Stock Exchange (HNX)*

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with the provisions of Clause 1, Article 10 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company would like to disclose the 2025 Audited Financial Statements to Hanoi Stock Exchange as follows:*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ/ *SAIGON-TAY DO BEER-BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: STD  
- Địa chỉ/*Address*: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ, Việt Nam/ *Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 02923 842 538 Fax: 02923 842 310  
- Email: [info@sgtd.com.vn](mailto:info@sgtd.com.vn) Website: <https://biasaigontaydo.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure*:

- BCTC kiểm toán năm 2025/ *2025 Audited Financial Statements*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ *Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ *Consolidated Financial Statements (Listed organizations have subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Financial Statements (Listed organization has affiliated accounting units with their own accounting systems).*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases subject to explanation of causes:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC kiểm toán năm 2025)/ *Audit organization gives an opinion*



other than an unqualified opinion on the Financial Statements (for 2025 audited Financial Statements):

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ *Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after auditing, or changes from loss to profit or vice versa (for 2025 audited Financial Statements):*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Corporate income tax profit after tax in the Income Statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the report of the same period last year:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Profit after tax in the reporting period is a loss, or changes from profit in the report of the same period last year to loss in this period or vice versa:*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case 'Yes' is selected:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2026 tại đường dẫn: <https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/> / *This information was disclosed on the company's website on March 28, 2026, at the link: https://biasaigontaydo.com.vn/co-dong/quan-he-co-dong/.*

Tài liệu đính kèm/ *Attached documents:*

- BCTC kiểm toán năm 2025/  
2025 Audited Financial Statements;

- Văn bản giải trình số  
05/2026/CBTT/TDBECO/  
Explanation document No.  
05/2026/CBTT/TDBECO.

**CÔNG TY CP BIA – NGK SÀI GÒN - TÂY ĐÔ  
SAIGON - TAY DO BEER - BEVERAGE JSC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**GENERAL DIRECTOR**



**TRẦN VĂN SANG**



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát  
Sài Gòn - Tây Đô**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 1800641942 ngày 21 tháng 9 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800641942 ngày 6 tháng 11 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phan Thanh Hải Bà Trần Lê Hoa Ông Văn Thanh Liêm Bà Nguyễn Thị Kim Cúc Ông Lê Hoàng Thịnh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Trần Thị Loan Anh Bà Nguyễn Đồng Diễm Trâm Ông Phạm Văn Tiến	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Văn Sang  Ông Nguyễn Đăng Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025)
---------------------	--	---

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Trà Nóc 1 Phường Thới An Đông Thành phố Cần Thơ Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Văn Sang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2026





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00546-26-1



Nguyễn Thùy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>314.146.740.475</b>	<b>340.236.521.133</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>813.499.026</b>	<b>32.656.274.392</b>
Tiền	111		163.499.026	256.274.392
Các khoản tương đương tiền	112		650.000.000	32.400.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>250.860.000.000</b>	<b>243.870.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	250.860.000.000	243.870.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.969.459.020</b>	<b>31.577.077.543</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.670.457.066	26.176.097.618
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		464.560.926	210.600.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.834.441.028	5.190.379.925
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>36.000.539.543</b>	<b>31.951.860.217</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>503.242.886</b>	<b>181.308.981</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503.242.886	181.308.981
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>81.343.218.603</b>	<b>98.170.804.275</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>77.737.109.676</b>	<b>86.116.973.727</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	77.737.109.676	86.116.973.727
Nguyên giá	222		536.459.347.794	526.842.533.830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.722.238.118)	(440.725.560.103)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>321.300.000</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	321.300.000	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>10.200.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.200.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.284.808.927</b>	<b>1.853.830.548</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.249.478.927	1.818.500.548
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>395.489.959.078</b>	<b>438.407.325.408</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>118.871.241.134</b>	<b>164.436.590.225</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>118.871.241.134</b>	<b>164.436.590.225</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.847.055.426	8.831.526.977
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	42.993.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	31.457.926.230	41.833.457.027
Phải trả người lao động	314		2.563.102.668	3.971.350.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94.246.000	781.044.078
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.843.775.843	2.860.708.459
Vay ngắn hạn	320	16	79.470.964.456	105.650.336.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	594.170.511	465.172.426
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>276.618.717.944</b>	<b>273.970.735.183</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>276.618.717.944</b>	<b>273.970.735.183</b>
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.229.461.097	10.581.478.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.781.478.336	6.660.568.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.447.982.761	3.920.909.808
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>395.489.959.078</b>	<b>438.407.325.408</b>

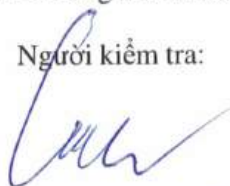
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thanh Phương  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Sang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	257.257.490.408	326.534.272.578
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	95.407.631	193.118.271
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	22	257.162.082.777	326.341.154.307
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	242.277.063.746	303.384.213.247
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.885.019.031	22.956.941.060
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.448.381.292	11.568.113.577
Chi phí tài chính	22	25	2.714.740.360	2.460.293.462
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.640.225.264	2.437.614.911
Chi phí bán hàng	25		1.719.628.994	2.377.380.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.385.896.027	15.823.055.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.513.134.942	13.864.325.618
Thu nhập khác	31		157.784.510	174.626.261
Chi phí khác	32	27	6.160.640.550	6.196.189.801
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.002.856.040)	(6.021.563.540)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.510.278.902	7.842.762.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.790.298.056	3.263.973.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.719.980.846	4.578.788.676
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	122	206

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương  
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh  
Kế toán trưởng

Trần Văn Sang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.510.278.902</b>	<b>7.842.762.078</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	17.996.678.015	19.388.384.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.448.381.292)	(11.503.438.990)
Chi phí lãi vay	06	2.640.225.264	2.437.614.911
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>11.698.800.889</b>	<b>18.165.322.051</b>
Biến động các khoản phải thu	09	6.937.730.271	(6.665.374.700)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.048.679.326)	(2.744.706.112)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(19.570.166.900)	16.791.274.601
Biến động chi phí trả trước	12	(1.752.912.284)	(240.397.971)
		<b>(6.735.227.350)</b>	<b>25.306.117.869</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.640.225.264)	(2.437.614.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.535.106.369)	(2.978.753.334)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(143.000.000)	(1.425.952.962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(12.053.558.983)</b>	<b>18.463.796.662</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.938.113.964)	(1.298.260.877)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(357.910.000.000)	(365.170.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	361.120.000.000	349.340.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.118.269.544	11.254.330.872
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.390.155.580</b>	<b>(5.873.930.005)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	281.735.745.620	300.349.947.420
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(307.915.117.583)	(272.901.675.835)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(10.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(26.179.371.963)</b>	<b>17.448.271.585</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(31.842.775.366)</b>	<b>30.038.138.242</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>32.656.274.392</b>	<b>2.618.136.150</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>813.499.026</b>	<b>32.656.274.392</b>

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thanh Phương  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Sang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch chính thức trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 1506/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là STD.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia và mạch nha ủ men bia, rượu, đồ uống không cồn, nước khoáng.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 107 nhân viên (1/1/2025: 113 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 15 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 7 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 12 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 8 năm  |



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm vỏ bình nước uống đóng chai sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



## **Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

#### **(k) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(m) Doanh thu và thu nhập khác**

##### ***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	72.770.037	87.553.446
Tiền gửi ngân hàng	90.728.989	168.720.946
Các khoản tương đương tiền (*)	650.000.000	32.400.000.000
	813.499.026	32.656.274.392

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: 4,75% một năm).

**6. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 7,9% một năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 6,0% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 35.710 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (1/1/2025: 52.850 triệu VND) (Thuyết minh 16).

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng các khoản đầu tư góp vốn như sau:

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm và cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
<b>Các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	17.632.536.707	25.593.577.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	829.724.600	53.538.220
<b>Bên thứ ba</b>		
Khách hàng khác	1.208.195.759	528.981.600
	19.670.457.066	26.176.097.618

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	5.821.941.028	4.491.829.280
Phải thu khác	12.500.000	698.550.645
	5.834.441.028	5.190.379.925

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	13.411.851.097	-	14.171.236.261	-
Công cụ và dụng cụ	2.484.087.049	-	3.368.338.249	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.050.892.468	-	12.613.399.697	-
Thành phẩm	14.053.708.929	-	1.798.886.010	-
	36.000.539.543	-	31.951.860.217	-

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	62.520.130.711	456.179.352.854	7.878.596.832	264.453.433	526.842.533.830
Tăng trong năm	-	5.566.813.964	-	-	5.566.813.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.050.000.000	-	-	-	4.050.000.000
Số dư cuối năm	66.570.130.711	461.746.166.818	7.878.596.832	264.453.433	536.459.347.794
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54.452.288.057	378.500.819.131	7.507.999.482	264.453.433	440.725.560.103
Khấu hao trong năm	1.597.903.980	16.128.348.660	270.425.375	-	17.996.678.015
Số dư cuối năm	56.050.192.037	394.629.167.791	7.778.424.857	264.453.433	458.722.238.118
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.067.842.654	77.678.533.723	370.597.350	-	86.116.973.727
Số dư cuối năm	10.519.938.674	67.116.999.027	100.171.975	-	77.737.109.676

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 285.162 triệu VND (1/1/2025: 267.270 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	64.674.587
Tăng trong năm	4.371.300.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.050.000.000)	-
Xóa sổ	-	(64.674.587)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	321.300.000	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	254.880.000	-
Xây dựng đường dốc và hồ ga tại khu vực cổng chính	66.420.000	-
	<hr/>	<hr/>
	321.300.000	-

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bảo bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	553.022.747	1.265.477.801	1.818.500.548
Tăng trong năm	477.756.509	2.957.322.550	3.435.079.059
Phân bổ trong năm	(408.807.717)	(1.595.292.963)	(2.004.100.680)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	621.971.539	2.627.507.388	3.249.478.927



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	33.525.349	17.230.826
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	7.857.027.068
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	589.260.000	-
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Điện - Hơi Công Nghiệp Việt Nam	292.474.125	-
Công ty TNHH Vận tải Phước Khang	69.768.000	187.280.000
Các nhà cung cấp khác	862.027.952	769.989.083
	<hr/>	<hr/>
	1.847.055.426	8.831.526.977

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.896.608.750	241.814.012.143	(251.480.035.515)	-	26.230.585.378
Thuế giá trị gia tăng	4.324.636.221	49.475.633.388	(30.255.710.105)	(20.175.583.543)	3.368.975.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.745.142	2.790.298.056	(2.535.106.369)	-	1.829.936.829
Thuế thu nhập cá nhân	37.466.914	363.097.427	(372.136.279)	-	28.428.062
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	41.833.457.027	294.446.041.014	(284.645.988.268)	(20.175.583.543)	31.457.926.230

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.592.890.000	2.401.780.000
Phải trả khác	250.885.843	458.928.459
	2.843.775.843	2.860.708.459

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2025</b> Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2025</b> Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	
Vay ngắn hạn	105.650.336.419	281.735.745.620	(307.915.117.583)	79.470.964.456

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2025</b> VND	<b>1/1/2025</b> VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	4,5% - 5,8%	79.470.964.456	72.321.590.284
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5%	-	33.328.746.135
			79.470.964.456	105.650.336.419

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và được bảo đảm bằng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 35.710 triệu VND (Thuyết minh 6(a)) (1/1/2025: 52.850 triệu VND).

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Số dư đầu năm	465.172.426	1.433.246.520
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	271.998.085	457.878.868
Sử dụng trong năm	(143.000.000)	(1.425.952.962)
Số dư cuối năm	594.170.511	465.172.426



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	6.660.568.528	270.049.825.375
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.578.788.676	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(457.878.868)	(457.878.868)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	10.581.478.336	273.970.735.183
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.719.980.846	2.719.980.846
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(271.998.085)	(271.998.085)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	200.000.000	200.000.000
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	13.229.461.097	276.618.717.944



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.350.735.430	1.296.652.792
Từ hai đến năm	5.402.941.718	5.186.611.168
Sau năm năm	8.104.412.578	12.318.201.524
	14.858.089.726	18.801.465.484

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.416.357.645	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.071.060.555	7.187.000.000
	<hr/> 13.487.418.200	<hr/> 7.187.000.000

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	250.715.207.601	320.125.546.426
Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	492.529.219.744	626.202.417.064
Thuế tiêu thụ đặc biệt	241.814.012.143	306.076.870.638
▪ Cung cấp dịch vụ	576.106.867	1.117.603.489
▪ Doanh thu khác	5.966.175.940	5.291.122.663
	<hr/> 257.257.490.408	<hr/> 326.534.272.578

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	242.108.427.337	303.043.445.684
▪ Giá vốn khác	168.636.409	340.767.563
	<hr/> 242.277.063.746	<hr/> 303.384.213.247



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Lãi tiền gửi	14.448.381.292	11.568.113.577

**25. Chi phí tài chính**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.640.225.264	2.437.614.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.515.096	22.678.551
	2.714.740.360	2.460.293.462

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí nhân viên	5.364.611.337	6.610.979.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.023.006.235	4.591.098.369
Chi phí khấu hao	74.118.240	202.828.756
Chi phí quản lý khác	4.924.160.215	4.418.148.241
	13.385.896.027	15.823.055.143

**27. Chi phí khác**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	6.027.086.224	6.033.752.916
Chi phí khác	133.554.326	162.436.885
	6.160.640.550	6.196.189.801

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	209.112.146.137	256.136.376.594
Chi phí nhân công và nhân viên	23.690.002.256	26.403.266.381
Chi phí khấu hao	17.996.678.015	19.388.384.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.125.864.839	15.434.699.863
Chi phí khác	7.313.278.180	6.027.561.623

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> Năm hiện hành	2.790.298.056	3.263.973.402

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.510.278.902	7.842.762.078
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.102.055.780	1.568.552.416
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.688.242.276	1.695.420.986
	2.790.298.056	3.263.973.402

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

*(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.719.980.846	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(271.998.085)	(457.878.868)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.447.982.761	4.120.909.808

*(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 20.000.000 cổ phiếu.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	486.395.202.400	620.995.469.030
Cung cấp dịch vụ	45.393.760	-
Mua nguyên vật liệu	192.278.606.439	242.268.985.107
Mua dịch vụ	72.990.620	-
Bán nguyên vật liệu	-	77.685.348
Cổ tức đã trả	-	1.440.750.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>		
Mua nguyên vật liệu	21.296.296	-
Mua dịch vụ	60.760.800	-
Cổ tức đã trả	-	945.903.500
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Cổ tức đã trả	-	552.500.000



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	135.400.000
Mua dịch vụ tư vấn	-	225.000.000
Mua dịch vụ	-	130.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	3.429.377.500	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	164.595.820	206.055.570
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
<b>Công ty Cổ phần Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán dịch vụ thuê kho bãi	1.497.838.388	949.715.625
Mua dịch vụ	154.309.587	51.449.469
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Bán nguyên vật liệu	3.866.667	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch	216.000.000	150.000.000
Bà Trần Lê Hoa – Thành viên	144.000.000	166.000.000
Ông Văn Thanh Liêm - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Lê Hoàng Thịnh - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Huy Thăng - Thành viên	-	44.000.000
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao và thu nhập</i>		
Bà Trần Thị Loan Anh - Trưởng ban	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Đông Diễm Trâm - Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Văn Tiến - Thành viên	72.000.000	72.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	902.881.168	1.836.182.784

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho kiểm toán viên**

	2025 VND	2024 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	89.000.000	85.000.000
Phí dịch vụ khác (soát xét thông tin tài chính)	63.000.000	60.000.000
	<hr/>	<hr/>
	152.000.000	145.000.000

**33. Thông tin so sánh**

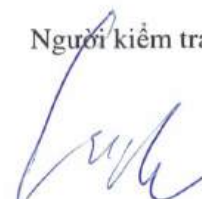
Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:

  
Trần Thanh Phương  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

  
Phan Duy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Trần Văn Sang  
Tổng Giám đốc

